Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0304.42.00

Mã HS	0304.42.00
Mô tả hàng hóa	Phi-lê cá và các loại thịt cá khác (đã hoặc chưa xay, nghiền, băm), tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Phi-lê cá tươi hoặc ướp lạnh của các loại cá khác: / - - Cá hồi chấm (trout) (Salmo trutta, Oncorhynchus mykiss, Oncorhynchus clarki, Oncorhynchus aguabonita, Oncorhynchus gilae, Oncorhynchus apache và Oncorhynchus chrysogaster)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 12:06:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03044200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K447
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N447
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q447
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ447
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	8,2	8,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E442
ATIGA	2022	2022	0	AT!E443
ATIGA	2023	2023	0	AT!F443
ATIGA	2024	2024	0	AT!G443
ATIGA	2025	2025	0	AT!H443
ATIGA	2026	2026	0	AT!I443
ATIGA	2027	2027	0	AT!J443
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E445
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F445
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G445
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H445

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I445
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J445
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E445
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F445
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G445
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H445
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I445
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J445
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F443
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H442
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F445
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G445
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H445
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I445
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J445
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K445
VKFTA	2022	2022	0	VK!E443
VKFTA	2023	2023	0	VK!F443
VKFTA	2024	2024	0	VK!G443
VKFTA	2025	2025	0	VK!H443
VKFTA	2026	2026	0	VK!I443
VKFTA	2027	2027	0	VK!J443
VCFTA	2022	2022	22	VC!D444
VCFTA	2023	2023	22	VC!E444
VCFTA	2024	2024	5	VC!F444
VCFTA	2025	2025	5	VC!G444

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	5	VC!H444
VCFTA	2027	2027	5	VC!I444
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D447
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E447
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F447
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G447
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H447
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I447
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D444
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E444
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F444
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G444
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H444
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I444
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D444
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E444
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F444
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G444
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H444
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I444
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D446
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E446
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F446
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G446
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H446
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D444
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E444
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F444
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G444
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H444
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I444
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J444
RCEP A	2022	2022	13,5	RCEPT-A!D443
RCEP A	2023	2023	12	RCEPT-A!E443
RCEP A	2024	2024	10,5	RCEPT-A!F443
RCEP A	2025	2025	9	RCEPT-A!G443
RCEP A	2026	2026	7,5	RCEPT-A!H443
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I443
RCEP B	2022	2022	13,5	B!D443
RCEP B	2023	2023	12	B!E443
RCEP B	2024	2024	10,5	B!F443
RCEP B	2025	2025	9	B!G443
RCEP B	2026	2026	7,5	B!H443
RCEP B	2027	2027	6	B!I443
RCEP C	2022	2022	13,5	C!D443
RCEP C	2023	2023	12	C!E443
RCEP C	2024	2024	10,5	C!F443
RCEP C	2025	2025	9	C!G443
RCEP C	2026	2026	7,5	C!H443
RCEP C	2027	2027	6	C!I443
RCEP D	2022	2022	13,6	D!D443

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	12,3	D!E443
RCEP D	2024	2024	10,9	D!F443
RCEP D	2025	2025	9,5	D!G443
RCEP D	2026	2026	8,2	D!H443
RCEP D	2027	2027	6,8	D!I443
RCEP E	2022	2022	13,5	E!D443
RCEP E	2023	2023	12	E!E443
RCEP E	2024	2024	10,5	E!F443
RCEP E	2025	2025	9	E!G443
RCEP E	2026	2026	7,5	E!H443
RCEP E	2027	2027	6	E!I443
RCEP F	2022	2022	13,5	F!D443
RCEP F	2023	2023	12	F!E443
RCEP F	2024	2024	10,5	F!F443
RCEP F	2025	2025	9	F!G443
RCEP F	2026	2026	7,5	F!H443
RCEP F	2027	2027	6	F!I443
VIFTA	2024	2024	15	VI!F424
VIFTA	2025	2025	15	VI!G424
VIFTA	2026	2026	15	VI!H424
VIFTA	2027	2027	15	VI!I424

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 15%, VIFTA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0304.42.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 0304.42.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N447), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.